

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TS GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TS GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TS GROUP CORP

Tên công ty viết tắt: TS GROUP CORPORATE JOINT STOCK COMPANY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110641013

**3. Ngày thành lập:** 06/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 11, đường Vọng Đức, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936301707

Fax:

Email: [tsgroup.cor@gmail.com](mailto:tsgroup.cor@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                             | 4322     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt,<br>- Bán buôn thủy sản,<br>- Bán buôn rau quả, cà phê,<br>- Bán buôn chè,<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Bán buôn thực phẩm chức năng | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm<br>(Điều 33 Luật Dược ngày 06/4/2016)<br>- Bán buôn dụng cụ y tế: Băng, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...<br>- Bán buôn mỹ phẩm                                                                                  | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>(Nghị định 91/2021/NĐ –CP)                                                                                                                                                                        | 4659     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công kinh doanh                                                                                                                                                               | 8299        |
| 8.  | Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế<br>Chi tiết:<br>Hoạt động của bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa<br>(Luật khám bệnh chữa bệnh và Nghị định 96/2023/NĐ-CP)                                                                                                                         | 8610        |
| 9.  | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>(Luật khám bệnh chữa bệnh và Nghị định 96/2023/NĐ-CP)                                                                                                                                                                         | 8620(Chính) |
| 10. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                     | 9000        |
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                          | 6810        |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất<br>(Luật kinh doanh bất động sản)                                                                                                                              | 6820        |
| 13. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310        |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                       | 7320        |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Rau, quả tươi, đông lạnh;<br>- Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng;<br>- Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh;<br>- Bánh, mứt, kẹo, các sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột.<br>- Bán lẻ thực phẩm chức năng | 4722        |
| 16. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng<br>(Luật an toàn thực phẩm và Nghị định 15/2018/NĐ-CP)                                                                                                                                                | 1079        |
| 17. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất mỹ phẩm<br>(Nghị định 93/2016/NĐ-CP)<br>- Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                      | 2023        |
| 18. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>(Điều 33 Luật Dược ngày 06/4/2016)                                                                                                                                                                                                                    | 2100        |
| 19. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                                         | 4791        |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                   | 5224 |
| 22. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                          | 5510 |
| 23. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                   | 5610 |
| 24. | Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ                                                                                                                                                                                       | 5813 |
| 25. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>(Nghị định 98/2021/NĐ-CP)                                                                                                                           | 3250 |
| 26. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                  | 4101 |
| 27. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                            | 4102 |
| 28. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                             | 4311 |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                  | 4312 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                              | 4321 |
| 31. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thuốc chữa bệnh (Điều 33 Luật Dược ngày 06/4/2016)<br>- Bán lẻ dụng cụ y tế<br>- Bán lẻ mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 600.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | PHẠM THỊ<br>QUỲNH<br>TRANG | Nam Lạc 02, Xã<br>Xuân Ninh,<br>Huyện Xuân<br>Trường, Tỉnh<br>Nam Định, Việt<br>Nam           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 180.000       | 1.800.000.000            | 30,000       | 0361990077<br>59                                                                                                       |            |
|     |                            |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                               | Tổng số                            | 180.000       | 1.800.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THUY<br>LINH          | Số 213, Tổ 3, Thị<br>Trần Xuân<br>Trường, Huyện<br>Xuân Trường,<br>Tỉnh Nam Định,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 180.000       | 1.800.000.000            | 30,000       | 163348987                                                                                                              |            |
|     |                            |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                               | Tổng số                            | 180.000       | 1.800.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | PHẠM THỊ THU HÀ | Số 151, Phố Lạc Quân, Xã Xuân Ninh, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 240.000 | 2.400.000.000 | 40,000 | 036194002741 |
|   |                 |                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                | Tổng số                   | 240.000 | 2.400.000.000 | 40,000 |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VŨ HOÀNG PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 04/12/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031089011227

Ngày cấp: 07/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số nhà 31 Tòa A10, Tập thể Đồng Tâm , Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 605 Tòa CT2B, Chung cư Nam Cường, đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội